TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-PT
Ngày 30/6/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dần
Các Thẩm phán: Ông Nông Đức Thọ
Bà Tô Thị Thuỳ Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM ngày 17/3/2026 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2026; Thông báo hoãn phiên toà số: 71/TB-TA ngày 13/5/2026; Thông báo hoãn phiên toà số: 83/TB-TA ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B5, A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vy Thị Thùy A - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh C7.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vi Đức T1 - Cán bộ Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: CH A- 05, Tòa nhà H H, Hà Nội. có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần C8 (gọi tắt là Công ty C8).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang C- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà B, đường G, tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thái Nguyên, Có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Quang C: Ông Cung Phi H.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ E, phố Q, phường T, TP Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh C, đại diện theo pháp luật- ông Lê Hải H1 - Chủ tịch. Địa chỉ: Khu đô thị M, phường T, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Quang T2 - Phó Giám đốc Sở tài chính tỉnh C, Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường T, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T3 - Chủ tịch.

Địa chỉ: Số C Đ, tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng, Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng, đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn C1 - Giám đốc.

Địa chỉ: Khu đô thị M, phường T, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H2 - Trưởng phòng quản lý thu và phát triển Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng, Có đơn xin xử vắng mặt.

4. Cục thuế tỉnh Cao Bằng, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt L - Cục trưởng. Người được ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim O - Phó trưởng phòng phụ trách, phòng nghiệp vụ, dự toán, pháp chế - Thuế tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: K, phường T, tỉnh Cao Bằng, Có mặt.

5. Tổng công ty Đ1 (SCIC), đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H3 - Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tầng B- B Tòa nhà C, số A đường T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thu T4 và Bà Nguyễn Diệu Huyền T5 - Chuyên viên Ban pháp chế và quản trị rủi ro SCIC, Có mặt.

6. Ông Hoàng Lê K, Bà Triệu Thị B, bà Đặng Phương M, ông Đặng Việt T6, ông Đặng Xuân T7.

Cùng địa chỉ: Tổ I Sông H, phường T, tỉnh Cao Bằng, (Có mặt Bà Triệu Thị Bích C2 lại vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Triệu Thị B: Ông Nguyễn Văn T8. Nghề nghiệp: Tư vấn viên pháp luật - Trung tâm T28. Địa chỉ: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.Vắng mặt.

7. Ông Ngô Gia L1.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Thanh H4.

Địa chỉ: SN A đường C, tổ C, phường N, tỉnh Cao Bằng, Có mặt.

9. Các cổ đông của Công ty C8:

Chờ Thị T9, Đàm Đức T10, Đàm Nguyễn T11, Đàm Thị O1, Đàm Thị X, Đàm Trung K1, Đàm Võ K2, Đàm Xuân T12, Đỗ Vinh Q, Đinh Hữu K3, Đinh Thị B1, Đinh Thị U, Đinh Văn T13, Bùi Văn H5, Bế H, Bế Minh H6, Bế Thanh B2, Bế Minh L2, Hà Văn H7, Hoàng Đình G, Hoàng Công N, Hoàng Nông H8, Hoàng Thẩm H9, Hoàng Thị B3, Hoàng Trung S, Hoàng Văn A1, Hoàng Văn G1, Hoàng Văn M1, Hoàng Việt N1, Lương Thị P, Lương Trung H10, Lê Đức P1, Lục Văn N2, Long Đình T14, Lưu Thế T15, Mông Văn S1, Mã Thị H11, Mã Văn C3, Mã Văn T16, Mã Văn V, Nông Huy D, Nông Ngọc T17, Nông Quốc Ơ, Nông Thanh L3, Nông Thị P2, Nông Văn D1, Nông Văn H12, Nông Văn L4, Nông Văn T18, Nông Văn T19, Nông Ích D2, Nguyễn Đức H13, Nguyễn Chí C4, Nguyễn Mạnh H14, Nguyễn Thanh T20, Nguyễn Thị H15, Phương Chí H16, Phạm Quang D3, Tạ Hùng S2, Tống Thanh G2, Trần Đình T21, Trần Đức C5,

Triệu Quốc H17, Triệu Sơn T22, Triệu Văn T23, Dương Đức K4, Lê Minh T24, Long Đình L5, Nông Văn D4, Đinh Văn H18, Hoàng Thẩm V1, Hoàng Thị H19, Nông Ngọc T25, Nông Thị Minh T26, Nông Văn H20, Công đoàn công ty, Sầm Thu H21, Lê Thị H22, Lưu Tuấn H23, Nguyễn Đức Q1, Trần Quang C, Vũ Bảo L6, Hoàng Thanh P3, Nguyễn Văn H24. Các cổ đông trên hiện không có tài liệu về địa chỉ nơi cư trú, vắng mặt không có lý do.

- Người kháng cáo: Ông Trần Quang C- đại diện Công ty cổ phần C8 và Bà Triệu Thị B- người có quyền lợi liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn trình bày:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Vi Đức T1- Cán bộ Tung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Công ty cổ phần C8 (sau đây gọi tắt là "Công ty C8") vay vốn B5 theo 09 (chín) Hợp đồng tín dụng với tổng dư nợ cho vay là 2.854.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu đồng chẵn).

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tính đến 28/11/2023 của Công ty C8 như sau:

Đã thanh toán được số tiền: 1.780.682.307,đ (trong đó: thanh toán gốc: 945.000.000,đ; thanh toán lãi: 835.682.307,đ).

Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 5.029.290.193 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.909.000.000 đồng; Nợ lãi: 2.138.518.221 đồng; Nợ lãi quá hạn: 981.771.972 đồng).

Cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số 2903/2011/HĐ ngày 20/10/2011:

Số tiền vay: 500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 17%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 20/07/2012. Khoản vay đã nhiều lần được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lịch trả nợ gốc theo lần điều chỉnh cuối cùng là 24/07/2014. Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 697.590.278,đ (trong đó: thanh toán gốc: 500.000.000,đ; thanh toán lãi: 197.590.278,đ). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 149.961.888 đồng (trong đó: Nợ gốc: 0, đồng; Nợ lãi: 101.312.555 đồng; lãi quá hạn: 48.649.333 đồng).

2. Hợp đồng tín dụng số 969/2012/HĐ ngày 05/04/2012:

Số tiền vay: 800.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng chẵn); Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 17,5%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 07/01/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 07/01/2015.

Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 689.711.111,đ (trong đó: thanh toán gốc: 445.000.000,đ; thanh toán lãi: 244.711.111,đ). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 1.174.590.972 đồng (trong đó: Nợ gốc: 355.000.000, đồng; Nợ lãi: 561.734.722 đồng; lãi quá hạn: 257.856.250 đồng).

3. Hợp đồng tín dụng số 1384/2012/HĐ ngày 15/05/2012:

Số tiền vay: 150.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 16,5%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 19/02/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 24/02/2015. Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 44.602.083 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 44.602.083 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 360.566.667 đồng (trong đó: Nợ gốc: 150.000.000, đồng; Nợ lãi: 143.920.834 đồng; lãi quá hạn: 66.645.833 đồng).

4. Hợp đồng tín dụng số 1806/2012/HĐ ngày 12/06/2012:

Số tiền vay: 500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 13%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 16/03/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 12/03/2015.

Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8:

Đã thanh toán được số tiền: 136.041.667 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 136.041.667 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 1.200.777.778 đồng (trong đó: Nợ gốc: 500.000.000, đồng; Nợ lãi: 479.736.111 đồng; lãi quá hạn: 221.041.667 đồng).

5. Hợp đồng tín dụng số 1854/2012/HĐ ngày 18/06/2012:

Số tiền vay: 44.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 13%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 18/03/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 18/03/2015.

Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 11.876.334 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 11.876.334 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 105.631.777 đồng (trong đó: Nợ gốc: 44.000.000, đồng; Nợ lãi: 42.216.777 đồng; lãi quá hạn: 19.415.000 đồng).

6. Hợp đồng tín dụng số 1913/2012/HĐ ngày 21/06/2012:

Số tiền vay: 100.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 13%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 21/03/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 23/03/2015.

Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 26.883.333 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 26.883.333 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 240.002.779 đồng (trong đó: Nợ gốc: 100.000.000, đồng; Nợ lãi: 95.947.223 đồng; lãi quá hạn: 44.055.556 đồng).

7. Hợp đồng tín dụng số 2041/2012/HĐ ngày 02/07/2012:

Số tiền vay: 180.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn); Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 13%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 02/04/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 02/04/2015. Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 47.572.500 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 47.572.500 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 431.755.000 đồng (trong đó: Nợ gốc: 180.000.000, đồng; Nợ lãi: 172.705.000 đồng; lãi quá hạn: 79.050.000 đồng).

8. Hợp đồng tín dụng số 2448/2012/HĐ ngày 09/08/2012:

Số tiền vay: 500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 13%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 08/05/2013. Lịch trả nợ gốc sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 09/05/2015.

Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 25 của tháng). Lịch trả nợ lãi theo văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 28/12/2012: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 125.569.445 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 125.569.445 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 1.196.750.000 đồng (trong đó: Nợ gốc: 500.000.000, đồng; Nợ lãi: 479.736.111 đồng; lãi quá hạn: 217.013.889 đồng).

9. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 09/05/2014:

Số tiền vay: 80.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn)

Lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng: 8%/năm. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng T29 thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng: 09/04/2015. Lịch trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng: Lãi vay được trả định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý)

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C8: Đã thanh toán được số tiền: 835.556 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 0 đồng; thanh toán lãi: 835.556 đồng). Còn nợ B5 tổng số tiền đến ngày 28/11/2023 là: 169.253.332 đồng (trong đó: Nợ gốc: 80.000.000, đồng; Nợ lãi: 61.208.888 đồng; lãi quá hạn: 28.044.444 đồng).

Tuy nhiên, từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến hết ngày 24/01/2024, Công ty C8 chưa thanh toán được nợ gốc lãi tại B5. Tính đến hết ngày 24/01/2024, tổng dư nợ gốc lãi còn lại của Công ty C8 là: 4.805.548.088,đ. Cụ thể như sau:
Nợ gốc: 1.909.000.000,đ; Lãi: 2.169.016.556,đ; Lãi quá hạn: 727.531.532,đ

(Chi tiết dư nợ tại thời điểm hết ngày 24/01/2024 được gửi theo phụ lục đính kèm Bản tự khai này).

Về tài sản bảo đảm:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hộ bà Triệu Thị B, địa chỉ: Tổ A phường S, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ I phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA125109 do UBND thị xã C ngày 28/07/2004 cho hộ bà Triệu Thị B được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011, việc thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Tài sản 2: Hệ thống máy móc thiết bị (gồm máy cán ren, máy cắt đột, máy đột dập, máy cắt tôn, máy chấn tôn, máy tiện) của Công ty cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009, việc thế chấp đã được công chứng theo quy định.

Tài sản 3: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm các tài sản được xây dựng trên diện tích đất thuê và đất giao theo Quyết định số 1746/QĐ-NĐ-UB ngày 06/10/1998 của UBND tỉnh C và Hợp đồng thuê đất số 58/2006/HĐ-TĐ ngày 26/10/2006 thuộc sở hữu của Công ty cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/772756/HĐBĐ ngày 10/04/2014, việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Tài sản 4: Hệ thống nhà xưởng kẽm nhúng nóng, dây chuyền thiết bị nhúng kẽm nóng, thiết bị xử lý nước thải, thiết bị điều khiển và tự động khống chế nhiệt

độ của Công ty cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐ ngày 13/04/2009, việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Bên thế chấp đồng ý dùng các tài sản trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/văn bản tín dụng đã ký giữa B5 và Công ty C8 bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi quá hạn, phí phạt và các khoản bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thực trạng tài sản đảm bảo:

Hiện nay, diện tích đất công ty thuê với Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số 58/2006/HĐ-TĐ ngày 26/10/2006 đã được Nhà nước thu hồi để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu tái định cư I thuộc dự án Khu tái định cư Đ khu đô thị M. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất đang thế chấp tại B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/772756/HĐBĐ ngày 10/04/2014, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐ ngày 13/04/2009 nằm trên diện tích đất bị thu hồi đã được Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng thành phố C bồi thường, tổng số tiền bồi thường là: 2.457.213.681,đ. Số tiền bồi thường được chi trả như sau:

Ngày 31/12/2020, khoản tiền 738.621.614,đ được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo Quyết định số:1033/QĐ-CTCBA ngày 28/12/2020 cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ của Cục trưởng Cục thuế tỉnh C

Ngày 11/05/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng thành phố C đã chuyển số tiền 929.198.806,đ vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo Quyết định số: 09/QĐ-CCTHADS ngày 07/04/2021 về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ. Ngày 17/05/2021, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng đã chi trả số tiền 929.198.806,đ cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng.

Ngày 30/06/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng thành phố C đã chuyển số tiền bồi thường còn lại là 789.393.261,đ về tài khoản thanh toán của Công ty C8 mở tại B5. Số tiền này hiện nay vẫn đang được phong tỏa trên tài khoản.

Kể từ khi khoản vay phát sinh quá hạn, B5 đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty C8 và các bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký, tuy nhiên phía Công ty cùng các bên bảo đảm không có thiện chí thực hiện. Do đó, B5 kính đề nghị Tòa án buộc Công ty C8 phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (đại diện là Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C7) tính đến thời điểm Tòa án ra Bản án. Cụ thể như sau:

Nợ gốc: 1.909.000.000,đ; Nợ lãi trong hạn (tạm tính đến hết ngày 24/01/2024): 2.169.016.556,đ; Lãi phạt quá hạn (tạm tính đến hết ngày 24/01/2024): 727.531.532,đ. Tổng cộng: 4.794.505.598,đ

Công ty C8 phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 25/01/2024 cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ

Trường hợp Công ty C8 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, yêu cầu Tòa án tuyên B5 có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền

có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Công ty C8 phải chịu án phí và các chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 3957/STC-PTDN ngày 11/9/2025 của Sở tài chính thuộc UBND tỉnh C về việc cung cấp thông tin tài liệu cho Tòa án.

Căn cứ pháp lý điều khoản áp dụng của pháp luật Thuế, Bảo hiểm xã hội, Luật Ngân sách nhà nước để UBND tỉnh C ban hành Công văn số 4522/UBND-NĐ ngày 25/12/2019.

Văn bản số 4522/UBND-NĐ ngày 25/12/2019 được UBND tỉnh C ban hành trên cơ sở các văn bản sau:

1. Báo cáo số 400/BC-UBND ngày 15/11/2019 của UBND thành phố C đề xuất phương án ưu tiên thứ tự trong việc chi trả các khoản nợ từ nguồn bồi thường, hỗ trợ của Công ty cổ phần C8.

2. Công văn số 2199/STC-CSDN ngày 19/11/2019 của Sở T về việc ý kiến ưu tiên chi trả các khoản nợ của Công ty cổ phần C8 trên cơ sở pháp lý, văn bản như sau:

Căn cứ Thông tư số 129/2015/TT-BTC ngày 24/8/2015 của Bộ T30, hướng dẫn trình tự, thủ tục xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Công ty con của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Báo cáo số:400/BC-UBND ngày 15/11/2019 của UBND thành phố C đề xuất phương án ưu tiên thứ tự trong việc chi trả các khoản nợ từ nguồn bồi thường, hỗ trợ của Công ty cổ phần C8.

Công văn số:1624/BHXH-QLT ngày 02/10/2019 của B4 hiệm xã hội tỉnh Cao Bằng về việc báo cáo số tiền nợ đóng BHXH của Công ty cổ phần C8.

Công văn số: 809/KHCN-KHTC ngày 21/8/2019 của Sở khoa học và Công nghệ tỉnh C về việc phối hợp thu hồi kinh phí nộp trả Ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Tại Công văn số: 1625/ĐTKDV-DDT2 ngày 19/9/2025 của Tổng công ty Đ1 V/v giao dịch liên quan giữa B5 Chi nhánh C7 và Công ty cổ phần C8 với Công tác thu hồi công nợ của Nhà nước. SCIC nhận bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần C8 từ UBND tỉnh C năm 2007 và hiện là cổ đông Nhà nước sở hữu 38,69% vốn điều lệ của Công ty. Ngày 11/9/2025 SCIC nhận được thông báo số 502/TB-TA đề ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng thông báo về việc mời tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bao gồm: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng ". Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng xem xét quan hệ giao dịch giữa Ngân hàng B5 chi nhánh C7 và Công ty CP C8 trong bối cảnh thực trạng như sau: Hiện nay, Công ty cổ phần C8 đang mở tài khoản tại B5 chi nhánh C7 và Công ty còn nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số tiền 520.513.940 đồng (chưa bao gồm lãi chậm nộp theo quy định) và nợ cổ tức của SCIC số tiền 272.916.695 đồng. Ngày 10/6/2022, UBND thành phố C có thông báo số 599/TB-UBND về việc tiếp tục thực hiện chi trả khoản tiền bồi thường 789.393.261 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty qua tài khoản tại B5 chi nhánh C7. Ngày

18/12/2020, UBND tỉnh C có Công văn số 3170/UBND-NĐ nhất trí cho UBND thành phố C thực hiện chi trả các khoản nợ của Công ty từ nguồn tiền đền bù giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trong đó có khoản nợ gốc Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số tiền 520.513.940 đồng. Ngày 02/4/2025, SCIC đã có Công văn số: 445/DTKDV-DDT kiến nghị UBND tỉnh C, UBND thành phố C chỉ đạo các bên liên quan và Ngân hàng B5 chi nhánh C7 phối hợp thực hiện đối trừ tại nguồn thanh toán tiền bồi thường do thu hồi đất của Công ty để thanh toán nợ cho Nhà nước theo đề nghị của Bộ T30 tại Công văn số: 2310/BTC-TCDN ngày 03/3/2020 và theo đề nghị của SCIC tại các Công văn số:1725/DTKDV-DDT3 ngày 27/8/2019, Công văn số: 1114/ DTKDV-DDT3 ngày 16/6/2022. Tuy nhiên, tới thời điểm này, khoản nợ gốc Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và khoản nợ cổ tức của SCIC nêu trên vẫn chưa được thanh toán. Với tình hình tài chính thua lỗ, âm vốn chủ, Công ty dừng hoạt động và bị thu hồi đăng ký kinh doanh như hiện nay, việc đối trừ từ nguồn thanh toán tiền bồi thường do thu hồi đất của Công ty là giải pháp cuối cùng để thu hồi nợ cho Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Các cổ đông của Công ty cổ phần C8: Hoàng Lê K, Chờ Thị T9, Đàm Đức T10, Đàm Nguyễn T11, Đàm Thị O1, Đàm Thị X, Đàm Trung K1, Đàm Võ K2, Đàm Xuân T12, Đỗ Vinh Q, Đinh Hữu K3, Đinh Thị B1, Đinh Thị U, Đinh Văn T13, Bùi Văn H5, Bế H, Bế Minh H6, Bế Thanh B2, Bế Minh L2, Hà Văn H7, Hoàng Đình G, Hoàng Công N, Hoàng Nông H8, Hoàng Thẩm H9, Hoàng Thị B3, Hoàng Trung S, Hoàng Văn A1, Hoàng Văn G1, Hoàng Văn M1, Hoàng Việt N1, Lương Thị P, Lương Trung H10, Lê Đức P1, Lục Văn N2, Long Đình T14, Lưu Thế T15, Mông Văn S1, Mã Thị H11, Mã Văn C3, Mã Văn T16, Mã Văn V, Nông Huy D, Nông Ngọc T17, Nông Quốc Ơ, Nông Thanh L3, Nông Thị P2, Nông Văn D1, Nông Văn H12, Nông Văn L4, Nông Văn T18, Nông Văn T19, Nông Ích D2, Nguyễn Đức H13, Nguyễn Chí C4, Nguyễn Mạnh H14, Nguyễn Thanh T20, Nguyễn Thị H15, Phương Chí H16, Phạm Quang D3, Tạ Hùng S2, Tống Thanh G2, Trần Đình T21, Trần Đức C5, Triệu Quốc H17, Triệu Sơn T22, Triệu Thị B, Triệu Văn T23, Dương Đức K4, Lê Minh T24, Long Đình L5, Nông Văn D4, Đinh Văn H18, Hoàng Thẩm V1, Hoàng Thị H19, Nông Ngọc T25, Nông Thị Minh T26, Nông Văn H20, Công đoàn công ty, Sầm Thu H21, Lê Thị H22, Lưu Tuấn H23, Nguyễn Đức Q1, Trần Quang C, Vũ Bảo L6, Ngô Gia L1, Hoàng Thanh P3, Nguyễn Văn H24, Nguyễn Thanh H4, SCIC. Tòa án đã ra thông báo tìm kiếm trên báo đài thông tin truyền thông của Trung ương và địa phương, đã hết thời hạn thông báo nhưng không thấy có phản hồi nên không có bản khai tại Tòa án.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2025, tại tổ dân phố S, phường T, tỉnh Cao Bằng. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hộ bà Triệu Thị B, địa chỉ: Tổ A Sông H cũ, phường T, tỉnh Cao Bằng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA125109 do Ủy ban nhân dân thị xã C ngày 28/7/2004. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm các tài sản được xây dựng trên diện tích đất thuê và đất giao theo Quyết định số: 1746/QĐ-NĐ-UB ngày 06/10/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh C và Hợp đồng thuê đất số: 58/2006/HĐ-TĐ ngày 26/10/2006

thuộc sở hữu của Công ty cổ phần C8. Một số máy móc thiết bị của Công ty.
Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét, thẩm định thực địa và các tài sản trên đất, kết quả cụ thể như sau:
1. Tài sản trên đất có 01 khối sắt là xác máy của máy lèn hơi, tình trạng đã han gỉ, không có động cơ, không có thiết bị điều khiển và 01 khối sắt là xác máy của máy trấn hơi, tình trạng đã han gỉ, không có động cơ, không có thiết bị điều khiển.
2. Về đất, nhà ở:
Thửa số 345, tờ bản đồ số 17, diện tích 97m^2 mang tên GCNQSDĐ bà Triệu Thị B, cấp ngày 28/7/2004, do UBND thị xã C. Có tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất bà Triệu thị B, phía Nam giáp đất bà Nông Thị H25, phía Bắc giáp đất ông Bế Thanh B2. Về số liệu kích thước các cạnh, diện tích thửa đất sẽ do Công ty cổ phần T31 chi nhánh C7 cung cấp kèm theo sơ đồ cho Tòa án.
Về tài sản trên đất:
Dãy nhà tập thể: Nhà số A (nhà 10 gian), xây tường gạch chỉ 110 trát tường, quét vôi, xà gồ gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền láng vữa xi măng. Nhà bếp, xây tường gạch chỉ 110, không có trát, cửa gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp Proximăng, nền láng vữa xi măng. Nhà tắm và nhà vệ sinh, xây tường gạch chỉ 110, xà gồ gỗ, mái lợp Proximăng, nền láng vữa xi măng, xí xổm, có 01 gian cửa gỗ ở phòng tắm, nhà vệ sinh cửa vải dứa có nẹp tre. 01 bể nước, xây tường gạch chỉ 110, cao 1,56m. 01 đoạn hàng rào gạch 110, bổ trụ 220, cao 1,6m. Kè xây đá hộc, đoạn 1 dài 3,4m, cao 1,6m chiều rộng đỉnh kè 0,6m; đoạn 2 dài 05m, cao 0,9m, chiều rộng đỉnh kè là 0,9m; đoạn 3 phần còn lại, cao 1,2m, chiều rộng đỉnh kè là 0,6m.
Nhà bà Triệu Thị B: Nhà 04 tầng, 01 tum. Nhà khung bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, trát tường và sơn tường, cửa gỗ, điện chìm, xà gồ thép, mái lợp tôn, cầu thang Glanito, lan can gỗ, vệ sinh khép kín. Phần ngầm khuất không nhìn thấy được sẽ do gia đình tự chịu trách nhiệm kê khai. Về số liệu, kích thước, diện tích của các tài sản kể trên sẽ do Công ty cổ phần T31- Chi nhánh C7 thể hiện trên sơ đồ cung cấp cho Tòa án.
Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2025, tại Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Cao Bằng. Tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với: Hệ thống máy móc thiết bị (gồm máy cán ren, máy cắt đột, máy đột dập, máy cắt tôn, máy chấn tôn, máy tiện) của Công ty cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009. Hệ thống nhà xưởng kém nhúng nóng, dây truyền thiết bị nhúng kém nóng, thiết bị xử lý nước thải, thiết bị điều khiển và tự động khống chế nhiệt độ của Công ty cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2009/HĐ ngày 13/4/2009.
Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thực tế địa điểm tại: SN A, đường C, tổ A phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nay là tổ A Sông B, phường N, tỉnh Cao Bằng, là ông ông Nguyễn Thanh H4 theo nội dung Công văn Ngân hàng TMCP B5 chi nhánh C7 cung cấp. Ông Nguyễn Thanh H4 xác nhận: Tại nhà riêng của ông không có tài sản máy móc, thiết bị gì của Công ty cổ phần C8. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ không có căn cứ để xem xét thẩm định tài sản là máy móc, thiết bị của Công ty cổ phần C8 theo như nội dung đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tài sản tại chỗ của nguyên đơn Ngân hàng B5 chi

nhánh C7.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm yêu cầu trả nợ tính đến ngày xét xử ngày 24/11/2025 tổng cộng: 5.602.711.422đ (trong đó nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ).

Đại diện bị đơn ông Trần Quang C đã được thông báo triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông đã thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Tòa án biết, vắng mặt tại tòa không có lý do, không có bản khai tại Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Cao Bằng, đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn H2 trình bày: Ngày 18/5/2021, BHXH tỉnh C nhận được số tiền 929.198.806đ (chuyển khoản) do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng chuyển theo Quyết định số: 70/QĐ-CCTHADS ngày 10/3/2021 của Chi cục THADS thành phố C về việc thi hành án theo yêu cầu để chi trả các khoản nợ đóng BHXH, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và tiền lãi chậm đóng của Công ty cổ phần C8. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty, Thuế không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thuế tỉnh Cao Bằng, đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Kim O trình bày: Sau khi Công ty cổ phần C8 nhận được tiền đền bù giải phóng mặt bằng thì Thuế tỉnh Cao Bằng có ra Quyết định cưỡng chế nộp thuế số tiền: 738.621.614đ. Hiện Công ty còn nợ T27 tỉnh số tiền hơn 08 tỷ. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty, Thuế không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu thị B trình bày: Hiện nay Công ty cổ phần C8 đang nợ Ngân hàng B5 chi nhánh C7 số tiền: 5.526.458.966đ (trong đó: Nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi phát sinh đến tháng 8/2025 là: 2.462.957.909đ, lãi quá hạn đến tháng 8/2025: 874.501.576đ). Năm 2021, Công ty thiếu vốn để mua vật tư hoàn thiện công trình, Hội đồng quản trị Công ty họp đã vận động cán bộ công nhân viên cho Công ty V2 tiền mặt, mượn tài sản thế chấp Ngân hàng. Do thiếu hiểu biết pháp luật, tôi đã cho Công ty mượn tài sản là căn nhà của gia đình tôi để Công ty thế chấp vay số tiền 500.000.000đ và chị Nguyễn Thị H15 là nhân viên phòng kế toán cho Công ty vay 30.000.000đ để có vốn mua vật liệu hoàn thiện công trình điện. Đến nay Công ty vẫn nợ khoản vay của chị Nguyễn Thị H15 và tài sản của tôi vẫn thế chấp cùng tài sản của Công ty tại Ngân hàng B5 chi nhánh C7. Sau khi Công ty bị thu hồi đất và tạm dừng hoạt động, tôi đã gom góp, vay mượn cá nhân nộp nhiều lần vào tài khoản của Công ty tổng số tiền 650.000.000đ để giảm nợ với lý do giữ căn nhà để làm nơi sinh sống cho 03 thế hệ. Nhưng đến thời điểm này, nhà tôi cũng đã được Tòa án và các cơ quan chức năng thẩm định và nguy cơ bị bán nhà trả nợ thay Công ty. Tôi tha thiết đề nghị Ngân hàng B5 xem xét tạo điều kiện giúp đỡ, chiếu cố đến hoàn cảnh gia đình cho phép giãn thêm thời gian trả nợ đến trước tháng 6/2026, để bản thân và Công ty tiếp tục huy động mọi nguồn lực để trả nợ Ngân hàng.

1. Đề nghị Ngân hàng thu số tiền 789.393.261đ tiền đền bù giải phóng mặt bằng của Công ty để trả vào nợ gốc.

2. Công ty còn một số tài sản trên đất tại khu tập thể khu A (tập thể cơ khí cũ) đã được Ban giải phóng mặt bằng thành phố Cao Bằng kiểm đếm và đang được Ủy ban nhân dân tỉnh C xem xét chờ giải quyết.
3. Đề nghị Ngân hàng B5 chốt lại số dư nợ, miễn giảm tối đa các khoản lãi, phạt. Số nợ còn lại, sau khi được tỉnh xem xét thu hồi, đền bù tài sản trên đất tại khu tập thể A cơ khí cũ. Cá nhân tôi sẽ phối hợp cùng Hội đồng quản trị tìm mọi biện pháp trả hết nợ, chậm nhất trong quỹ II/2026.
Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Gia L1 trình bày: Chúng tôi nhất trí tất cả số liệu nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của Công ty, song xin được quý Ngân hàng miễn giảm tối đa nợ lãi. Về kế hoạch trả nợ:
1. Tận dụng tối đa toàn bộ tài sản thế chấp của Công ty còn lại sau tháo dỡ, di chuyển mất mát, còn bao nhiêu bán thanh lý trả nợ.
2. Ưu tiên số 1 là dùng một phần kinh phí nhà nước hỗ trợ tái định cư để trả nợ ngân hàng.
3. Dùng tiền đóng góp của cổ đông mới để trả nợ xấu cho Ngân hàng, sau đó làm phương án sản xuất kinh doanh mới lại là khâu cần Ngân hàng.
Về ngôi nhà bà Triệu Thị B đã cho Công ty vay để thế chấp vay vốn Ngân hàng đề nghị xem xét để lại cho bà B làm nhà ở chung cho 03 thế hệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cao Bằng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty cổ phần C8 trả tiền vay ngay toàn bộ số tiền còn nợ theo 09 Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh C7 số tiền tính đến thời điểm xét xử, ngày 24/11/2025 là: 5.602.711.422đ (trong đó nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn Công ty C8 không trả nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản phát sinh. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.
Tại bản án sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng đã tuyên xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Áp dụng Điều 357, các Điều 463, 466, 468, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 119 của Luật doanh nghiệp; Áp dụng Điều 12 Luật Ngân hàng N3;Áp dụng quy định tại các Điều 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty cổ phần C8 trả tiền vay ngay toàn bộ số tiền còn nợ theo 09 Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số 2903/2011/HĐ ngày 20/10/2011, 2. Hợp đồng tín dụng số 969/2012/HĐ ngày 05/04/2012, 3. Hợp đồng tín dụng số 1384/2012/HĐ ngày 15/05/2012, 4. Hợp đồng tín dụng số 1806/2012/HĐ ngày 12/06/2012, 5. Hợp đồng tín dụng số 1854/2012/HĐ ngày 18/06/2012, 6. Hợp đồng tín dụng số 1913/2012/HĐ ngày 21/06/2012, 7. Hợp đồng tín dụng số 2041/2012/HĐ ngày 02/07/2012, 8. Hợp đồng tín dụng số 2448/2012/HĐ ngày 09/08/2012, 9. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 09/05/2014) cho Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh C7 số tiền tính đến thời điểm xét xử, ngày 24/11/2025 là: 5.602.711.422đ (trong đó nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ).

Kể từ ngày 25/11/2025 trở đi, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 09 Hợp đồng cho vay do bà Triệu Thị B - Đại diện Công ty Cổ phần C8 ký kết với Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh C7 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần C8 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì B5 chi nhánh C7 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành thi hành án khấu trừ tài sản có được từ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của Công ty (số tiền 794.437.972đ hiện tại đang được chuyển vào và phong tỏa tại tài khoản số 330.10.000000425 của Công ty tại B5 theo Thông báo số 599/TB-UBND ngày 10/6/2022), kê biên, phát mại tài sản bảo đảm còn lại của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho B5, các tài sản bảo đảm là:

1. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hộ bà Triệu Thị B, địa chỉ: Tổ A phường S, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ I Sông H, phường T, tỉnh Cao Bằng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA125109 do UBND thị xã C ngày 28/07/2004 cho hộ bà Triệu Thị B được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011, việc thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

2. Hệ thống máy móc thiết bị (gồm máy cán ren, máy cắt đột, máy đột dập, máy cắt tôn, máy chấn tôn, máy tiện) của Công ty Cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009.

3. Hệ thống dây chuyền thiết bị nhúng kẽm nóng, thiết bị xử lý nước thải, thiết bị điều khiển và tự động khống chế nhiệt độ của Công ty Cổ phần C8 được thế chấp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2009/HĐ ngày 13/4/2009.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần C8 đối với B5 chi nhánh C7. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần C8 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho B5 chi nhánh C7.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và lãi suất về chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2025 bị đơn Trần Quang C (đại diện Công ty cổ phần C8) và Triệu Thị B kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 04/2025/KDTM- ST của Toà án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng và yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm trên.

Ngày 04/5/2026 ông Trần Quảng C6 (đại diện Công ty cổ phần C8) có đơn kháng cáo bổ sung (thay thế đơn kháng cáo ngày 05/12/2025) với nội dung yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm d, khoản 1, Điều 214 BLTTD năm 2015; Nếu xét xử thì: Miễn toàn bộ lãi quá hạn, giảm một phần lãi trong hạn; tạm thời chưa phát mại nhà bà B; ghi nhận cam kết thanh toán nợ từ nguồn tiền bồi thường vụ án hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội kháng cáo của Ông Trần Quang C (đại diện Công ty cổ phần C8) và bà Triệu Thị Bích G3 nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn, người có quyền lợi liên quan có đơn kháng cáo nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các cổ đông của Công ty cổ phần C8, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn không có hồi âm. Các ông Hoàng Lê K, Đặng Phương M, Đặng Việt T6,

Đặng Xuân T7 và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Triệu Thị B đã được Tòa án triệu tập lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Trần Quang C (đại diện Công ty cổ phần C8) và bà Triệu Thị B - người có quyền lợi liên quan và những căn cứ.

Về Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay vốn B5 theo 09 Hợp đồng tín dụng gồm: 1. Hợp đồng tín dụng số 2903/2011/HĐ ngày 20/10/2011, 2. Hợp đồng tín dụng số 969/2012/HĐ ngày 05/04/2012, 3. Hợp đồng tín dụng số 1384/2012/HĐ ngày 15/05/2012, 4. Hợp đồng tín dụng số 1806/2012/HĐ ngày 12/06/2012, 5. Hợp đồng tín dụng số 1854/2012/HĐ ngày 18/06/2012, 6. Hợp đồng tín dụng số 1913/2012/HĐ ngày 21/06/2012, 7. Hợp đồng tín dụng số 2041/2012/HĐ ngày 02/07/2012, 8. Hợp đồng tín dụng số 2448/2012/HĐ ngày 09/08/2012, 9. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 09/05/2014. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình trạng hoạt động của Công ty cổ phần C8. Tại Công văn số 1226/SKHĐT-ĐKKD ngày 27/5/2024 V/v xác định tình trạng hoạt động của Công ty và ý kiến của các thành viên Công ty xác định: Công Ty cổ phần C8 đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Quyết định số QĐTH/64179 ngày 04/6/2019 của trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh C). Chưa đăng ký làm thủ tục giải thể, chưa làm thủ tục tuyên bố phá sản. Căn cứ khoản 3 Điều 206 Luật doanh nghiệp năm 2020 "*Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn nợ, tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp doanh nghiệp, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác*" thì Công ty cổ phần C8 vẫn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng B5 chi nhánh C7 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn Công ty cổ phần C8 vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2017, năm 2019 UBND tỉnh Cao Bằng thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ số tiền 2.458.334.361 đối với các tài sản của Công ty đang thế chấp theo Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 08/10/2019, Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 29/8/2019. Ngày 25/12/2019, UBND tỉnh C có Công văn số 4522/UBND-NĐ về việc thực hiện chi trả các khoản nợ của Công ty cổ phần C8 từ tiền đền bù giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất. Thứ tự ưu tiên thanh toán Bảo hiểm xã hội, kinh phí nợ ngân sách Nhà nước, nợ thuế, các khoản nợ khác. Ngày 25/12/2019 và ngày 17/6/2022 Ngân hàng B5 chi nhánh C7 và Ngân hàng B5 đã có công văn khiếu nại đến UBND tỉnh C về việc chi trả tiền từ tiền đền bù tài sản bị thu hồi nhưng chưa được trả lời thỏa đáng, ngày 28/11/2023 Ngân hàng khởi kiện tại tòa, nên thời hiệu khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện.

Về tính có pháp lý của 09 Hợp đồng tín dụng gồm: 1. Hợp đồng tín dụng số 2903/2011/HĐ ngày 20/10/2011, 2. Hợp đồng tín dụng số 969/2012/HĐ ngày 05/04/2012, 3. Hợp đồng tín dụng số 1384/2012/HĐ ngày 15/05/2012, 4. Hợp đồng tín dụng số 1806/2012/HĐ ngày 12/06/2012, 5. Hợp đồng tín dụng số

1854/2012/HĐ ngày 18/06/2012, 6. Hợp đồng tín dụng số 1913/2012/HĐ ngày 21/06/2012, 7. Hợp đồng tín dụng số 2041/2012/HĐ ngày 02/07/2012, 8. Hợp đồng tín dụng số 2448/2012/HĐ ngày 09/08/2012, 9. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 09/05/2014 và (các) Phụ lục trả nợ kèm theo và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011(Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng tài nguyên môi trường thị xã C ngày 18/10/2011); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009 (Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/772756/HĐBĐ ngày 10/04/2014 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng C9 - Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án); Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐ ngày 13/04/2009, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng.

Hội đồng xét xử căn cứ 09 Hợp đồng tín dụng gồm: 1. Hợp đồng tín dụng số 2903/2011/HĐ ngày 20/10/2011; 2. Hợp đồng tín dụng số 969/2012/HĐ ngày 05/04/2012; 3. Hợp đồng tín dụng số 1384/2012/HĐ ngày 15/05/2012; 4. Hợp đồng tín dụng số 1806/2012/HĐ ngày 12/06/2012; 5. Hợp đồng tín dụng số 1854/2012/HĐ ngày 18/06/2012; 6. Hợp đồng tín dụng số 1913/2012/HĐ ngày 21/06/2012; 7. Hợp đồng tín dụng số 2041/2012/HĐ ngày 02/07/2012; 8. Hợp đồng tín dụng số 2448/2012/HĐ ngày 09/08/2012; 9. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 09/05/2014 và (các) Phụ lục trả nợ kèm theo và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011(Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng tài nguyên môi trường thị xã C ngày 18/10/2011); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009 (Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/772756/HĐBĐ ngày 10/04/2014 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng C9 - Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án); Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐ ngày 13/04/2009, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng. Có đầy đủ chữ ký, con dấu của các bên liên quan, thể hiện tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp hai bên đều tự nguyện, minh mẫn, đủ tỉnh táo để làm hợp đồng. Nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp thuộc chủ sở hữu hợp pháp nên hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp nêu trên đều hợp pháp và có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm đối với các bên liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, B5 chi nhánh C7 đã giải ngân cho Công ty cổ phần C8 số tiền là: 2.854.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu đồng chẵn), Công ty cổ phần C8 đã nhận nợ tại 09 bản kê rút vốn (nhận nợ vay) như sau: Giấy nhận nợ lần 01, ngày 18/10/2011, số tiền nhận nợ 500.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 02, ngày 04/4/2012, số tiền nhận nợ 800.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 03, ngày 14/5/2012, số tiền nhận nợ 150.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 04, ngày 11/6/2012, số tiền nhận nợ 500.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 05, ngày 18/6/2012, số tiền nhận nợ 44.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 06, ngày 20/6/2012, số tiền nhận nợ 100.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 07, ngày 02/7/2012, số tiền nhận nợ

180.000.000 đồng; Giấy nhận nợ lần 08, ngày 07/8/2012, số tiền nhận nợ 500.000.000 đồng và G4 nhận nợ lần 09, ngày 09/5/2014, số tiền nhận nợ 80.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ khi khoản vay phát sinh quá hạn, B5 đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty cổ phần C8 và các bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký. Tuy nhiên phía Công ty cùng các bên bảo đảm không có thiện chí thực hiện. Việc làm đó đã vi phạm các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của B5 được pháp luật bảo vệ.

Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, ngày 24/11/2025, Công ty cổ phần C8 đã thanh toán được số tiền: 1.780.682.307,đ (trong đó: thanh toán gốc: 945.000.000,đ; thanh toán lãi: 835.682.307,đ), số tiền còn nợ cả gốc và lãi là: 5.602.711.422đ (trong đó nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ).

Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của Công ty cổ phần C8. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*","*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Vì vậy, Ngân hàng B5 chi nhánh C7 khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C8 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị B, ông Đặng Việt T6, Đặng Xuân T7 và các cổ đông của Công ty yêu cầu phải trả số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến thời điểm ngày xét xử, ngày 24/11/2025 tổng số tiền: 5.602.711.422đ (trong đó nợ gốc: 1.909.000.000đ, lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ).

Về cách tính tiền lãi, lãi quá hạn, nghĩa vụ chậm thi hành án: Ngân hàng áp dụng mức lãi, lãi quá hạn, nghĩa vụ chậm thi hành án theo thỏa thuận trong 09 Hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn, nghĩa vụ chậm thi hành án quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7,8,12, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi quá hạn, phạt vi phạm. Nên yêu cầu của B5 chi nhánh C7, yêu cầu Công ty cổ phần C8 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị B, ông Đặng Việt T6, Đặng Xuân T7 và các cổ đông của Công ty yêu cầu phải trả số tiền lãi, lãi phạt tính đến thời điểm ngày xét xử, ngày 24/11/2025, cụ thể: Lãi trong hạn: 2.520.799.056đ, lãi quá hạn: 1.172.912.366đ là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chi phí tố tụng phí đo đạc, thẩm định tài sản thế chấp: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tài sản tranh chấp.

Đối với số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 2.426.257.000đ (Tài sản Công ty cổ phần C8 bao gồm cả tài sản thế chấp Ngân hàng B5 theo 03 Hợp đồng thế chấp).

Ngân hàng B5 nhất trí với phương án thanh toán thực tế đã chi cho BHXH tỉnh C số tiền: 929.198.806đ, chi cho T27 tỉnh Cao Bằng số tiền: 738.621.614đ, số tiền còn lại bao gồm cả tiền lãi phát sinh: 794.437.972đ hiện tại đang được chuyển vào và phong tỏa tại tài khoản số 330.10.000000425 của Công ty tại B5 theo Thông báo số 599/TB-UBND ngày 10/6/2022 đề nghị Tòa án tuyên trả nợ toàn bộ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy, do Ngân hàng không có yêu cầu liên quan đến số tiền đền bù đã chi cho BHXH tỉnh Cao Bằng và T27 tỉnh Cao Bằng nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét. Đối với yêu cầu được thanh toán số tiền còn lại 794.437.972đ hiện tại đang được chuyển vào và phong tỏa tại tài khoản số 330.10.000000425 của Công ty tại B5. Đây là tài sản của Công ty và là tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011(Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng tài nguyên môi trường thị xã C ngày 18/10/2011); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 15/01/2009 (Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/772756/HĐBĐ ngày 10/04/2014 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng C9 - Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án); Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐ ngày 13/04/2009, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng công chứng số A tỉnh Cao Bằng. Do đó, yêu cầu được thanh toán số tiền 794.437.972đ đang được phong tòa tại Ngân hàng B5 để trả nợ khoản vay của Công ty là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

Về yêu cầu kháng cáo xin miễn, giảm lãi và gia hạn thời gian trả nợ: Việc miễn, giảm lãi suất hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ thuộc quyền tự định đoạt của tổ chức tín dụng trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và tuỳ thuộc vào chính sách tài chính của Chính phủ điều hành về lĩnh vực tài chính vào các thời điểm khác nhau do ngân hàng áp dụng, không thuộc trường hợp Tòa án được quyền áp đặt buộc Ngân hàng thực hiện.

Về xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất của bà Triệu Thị B:Tài sản của bà Triệu Thị B đã được thế chấp hợp pháp cho B5 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011; hợp đồng đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Khi ký kết hợp đồng thế chấp, bà B hoàn toàn nhận thức được nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty và hậu quả pháp lý phát sinh nếu Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hiện nay Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn kéo dài nên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Về ý kiến đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả vụ án khác; Hội đồng xét xử thấy rằng vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này không liên quan đến việc Công ty C8 khởi kiện vụ án hành chính khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ những nhận định, đánh giá trên và theo Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và các luật liên quan. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đúng

quy định pháp luật và tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi liên quan không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, xét không có tình tiết mới có thể làm thay đổi quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Ông Trần Quang C (đại diện Công ty cổ phần C8) và bà Triệu Thị Bích . Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng.

[4] Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền: Căn cứ những nhận định, đánh giá trên Hội đồng không chấp nhận ý kiến của người đại diện bị đơn.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng là phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Trần Quang C (đại diện Công ty cổ phần C8) phải chịu án phí phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi liên quan Bà Triệu Thị B có đơn xin miễn án phí phúc thẩm và thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Ông Trần Quang C- đại diện Công ty cổ phần C8 và bà Triệu Thị Bích .

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2025/KDTM-ST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng.

2. Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần C8- Ông Trần Quang C đại diện phải nộp chịu án phí phúc thẩm số tiền 2.000.000đ án phí vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Xác nhận Công ty cổ phần C8 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000đ theo biên lai số: 0000028 ngày 14/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Bà Triệu Thị B được miễn án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cao Bằng
- TAND Khu vực 1 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Vi Khánh Dần